Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng GD&ĐT quận Ba Đình

Trường TH Ngọc Hà

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022 - 2023

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	**Lớp 2**	**Lớp 3**	**Lớp 4**	**Lớp 5**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	HS sinh năm 2016	HS hoàn thành chương trình lớp 1	HS hoàn thành chương trình lớp 2	HS hoàn thành chương trình lớp 3	HS hoàn thành chương trình lớp 4
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ**	Theo chương trình của BGD				
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.** **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	- Nhà trường và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin phối hợp cùng theo dõi giáo dục học sinh. - Yêu cầu học sinh có thái độ học tập tự giác, chăm chỉ tích cực.				
IV	**Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)**	- Đảm bảo đủ CSVC để phục vụ cho việc học tập. - Sử dụng triệt để các phòng học, các phòng chức năng và sử dụng triệt để các thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, tích cực ứng dụng CNTT trong nhà. - Môi trường đảm bảo sạch, đẹp, an toàn.				
V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	- Phong trào TDTT, văn nghệ, các hoạt động vui chơi giải trí rèn kỹ năng xử lí các tình huống cho học sinh được nhà trường đặc biệt quan tâm. - Có đủ SGK, tài liệu tham khảo cho học sinh, CBGV, PHHS, HS ủng hộ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.				
VI	**Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục**	- Luôn duy trì đảm bảo trình độ chuẩn về đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt. - Quản lý dựa vào các văn bản chỉ đạo của các cấp, luật giáo dục, điều lệ trường TH, phân công giảng dạy cho GV phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn.				
VII	**Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	- HS chăm ngoan, có kĩ năng sống. - HS hoàn thành chương trình học - Học sinh có sức khỏe tốt để học tập và phát triển trí tuệ.				

VIII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	- HS tự tin khi lên lớp học, cấp học cao hơn.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị

(đã kí)

Bùi Thị Kim Thúy

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng GD&ĐT quận Ba Đình

Trường TH Ngọc Hà

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 – 2022

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**743**	115	153	140	162	171
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)**	**743**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**
III	**Chất lượng học tập**						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		**67,8%**	**72,5%**	**59,3%**	**51,2%**	**66,1%**
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		32,2%	27,5%	40,7%	48,8%	33,9%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
VI	**Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học** (tỷ lệ so với tổng số)						100%

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(đã kí)

Bùi Thị Kim Thúy

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng GD&ĐT quận Ba Đình

Trường TH Ngọc Hà

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	20	1 phòng/lớp
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	1911,65	
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	400	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	50	
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	-	
3	Diện tích thư viện (m^2)	150	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	150	
5	Diện tích phòng khác (….)(m^2)	-	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	4	1 bộ/lớp
2	Khối lớp 2	4	1 bộ/lớp
3	Khối lớp 3	4	1 bộ/lớp
4	Khối lớp 4	4	1 bộ/lớp
5	Khối lớp 5	4	1 bộ/lớp
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**40**	2 học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị**	42	Số thiết bị/lớp
1	Cát xét	2	1 máy/lớp
2	Màn hình tương tác thông minh	22	1 máy/lớp
3	Máy đa vật thể	22	1 máy/lớp
4	Thiết bị khác….		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	**200**
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	20p - 1.000m2	743	1,4 m^2/học sinh
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5		16		0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).*

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị

(đã kí)

Bùi Thị Kim Thúy

Biểu mẫu 08

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phòng GD&ĐT quận Ba Đình

Trường TH Ngọc Hà

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**36**	**31**	**5**		**1**	**27**	**3**	**5**	**0**	
I	**Giáo viên**	**28**	**21**	**5**		**1**	**25**	**3**	**5**		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:										
1	Mĩ thuật	1	1				1				
2	Thể dục	2	2				2				
3	Âm nhạc	1	1				1				
4	Tiếng nước ngoài	1	1				1				
5	Tin học	1	1				1				
6	TPT	1	1				1				
7	Còn lại	21	21				21				
II	**Cán bộ quản lý**	**2**	**2**								
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	1	1				1				
III	**Nhân viên**	**6**	**2**	**5**							
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quĩ	0									
4	Nhân viên y tế	1							1		
5	Nhân viên thư viện	1							1		
6	Nhân viên khác	3		3					3		
	...										

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(đã kí)

Bùi Thị Kim Thúy